

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HỘI THẢO KHOA HỌC
NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
TRONG QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM

Hà Nội, Tháng 12, năm 2023

- 11 VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM
Chu Văn Hùng, Nguyễn Văn Trinh 153
- 12 SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
TS. Nguyễn Thanh Lý
ThS. NCS. Đỗ Việt Thanh 175
- 13 VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở NƯỚC TA
Th.S Nguyễn Thị Thu Hoài,
TS. Nguyễn Thị Dung, 185
TS. Nguyễn Thị Cẩm Tú,
- 14 MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
ThS Lê Đắc Huy 201
- 15 TÍNH ĐỘC LẬP CỦA THẨM PHÁN – BẢN CHẤT NỘI TẠI CỦA TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở LIÊN BANG NGA VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM
Chu Văn Hùng, Nguyễn Thị Huyền Trang 215
- 16 MỘT SỐ RÀO CẢN CỦA VIỆC THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC PHÁP QUYỀN TRONG BỐI CẢNH VĂN HÓA CHÍNH TRỊ-PHÁP LÝ Ở VIỆT NAM
TS. Phan Thanh Hà 253
- 17 BÀN VỀ TINH THẦN “THƯỢNG TÔN HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT”
Lê Văn Gấm - Võ Duy Ân 265
- 18 NHU CẦU ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
ThS. NCS. Tạ Thị Thùy Trang 277
- 19 CHÍNH PHỦ LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM
PGS,TS. Vũ Thư 289

NHU CẦU ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. NCS. Tạ Thị Thùy Trang²⁹⁰

1. Khái niệm công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế

Ở Việt Nam, thông tin môi trường cho phép người dân hành động theo quyền tự nhiên để đánh giá xem Nhà nước đang quản lý, bảo vệ môi trường sống của họ tốt như thế nào, do đó ngày càng được quan tâm. Khái niệm thông tin môi trường chính thức được quy định tại Luật BVMT 2014. Theo đó, Khoản 29 Điều 3 Luật BVMT 2014 chỉ rõ thông tin môi trường là *số liệu, dữ liệu về môi trường dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự*. Khái niệm thông tin môi trường tiếp tục được cụ thể hóa trong Điều 128 Luật Bảo vệ môi trường 2014. Cụ thể, thông tin môi trường bao gồm: *Số liệu, dữ liệu về thành phần môi trường, các tác động đối với môi trường, chính sách, pháp luật về môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường*. Hai khái niệm này tuy có sự khác nhau về câu chữ song bản chất không có sự thay đổi. Khái niệm theo Điều 128 Luật BVMT 2014 mang tính chi tiết hơn, rõ ràng hơn và phù hợp với yêu cầu quản lý, bảo vệ môi trường trong đời sống xã hội. Kế thừa trên quan điểm của Điều 128 Luật BVMT 2014, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định 88/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có quy định thông tin về môi trường bao gồm ²⁹¹:

²⁹⁰ ThS, NCS, Giảng viên chính Đại học Thương mại, Email: trang.ttt@tmu.edu.vn

²⁹¹ khoản 1 Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 99 Nghị định 88/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

Thông tin về nguồn thải bao gồm: thông tin về chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thông tin về phát sinh và nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn, chất thải nguy hại; thông tin về phê liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; thông tin về chất thải nguy hại được tiếp nhận xử lý đối với cơ sở dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường khác; thông tin về nguồn phát thải từ hoạt động giao thông, sản xuất nông nghiệp, hoạt động dân sinh.

- Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật.

Thông tin về chất thải bao gồm: khối lượng phát sinh, thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng đối với từng loại hình chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, bụi, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật; các công nghệ, công trình xử lý chất thải, kết quả quan trắc các loại chất thải.

- Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh, thông tin thuộc bí mật nhà nước; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định.

- Thông tin về chỉ tiêu thống kê môi trường, chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường.

Thông tin về hiện trạng chất lượng môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu về hiện trạng, diễn biến và dự báo chất lượng môi trường không khí, đất, nước mặt lục địa, trầm tích, nước dưới đất, nước biển; phân vùng mục đích sử dụng nước, hạn ngạch xả thải vào môi trường nước; các điểm, khu vực bị ô nhiễm môi trường, thông tin về sự cố môi trường, các khu vực bị ô nhiễm tồn lưu; kế hoạch và các biện pháp khắc phục, xử lý, phục hồi môi trường, giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng nước mặt.

- Thông tin về di sản thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, loài sinh vật và nguồn gen; khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; vùng đất ngập nước quan trọng.

Thông tin về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học bao gồm thông tin về các khu di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; vùng đất ngập nước quan trọng; thông tin về hệ sinh thái tự nhiên, loài sinh vật và nguồn gen; thông tin về áp lực lên đa dạng sinh học; các biện pháp quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học; các loại giấy phép trong quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học.

Chúng ta có thể thấy, môi trường có ý nghĩa và vai trò rất quan trọng trong đời sống con người. Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có mối quan hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại cũng như phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên. Bên cạnh đó, đặc trưng tính phổ biến của quyền con người đòi hỏi tiêu chuẩn cơ bản của quyền tiếp cận thông tin là thông tin phải được công khai càng sớm, càng tốt, dưới hình thức thích hợp về ngôn ngữ, hình ảnh, tư liệu, phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu nhận và sử dụng thông tin của công chúng. Do đó, dù hiểu theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp, tùy thuộc vào mục

đích tiếp cận và góc độ nghiên cứu, mỗi cách thức đều chứa đựng những giá trị luận giải riêng nội dung khái niệm thông tin môi trường.

Thông tin môi trường doanh nghiệp là số liệu, dữ liệu về các yếu tố thuộc môi trường (cụ thể có thể kể đến như chất ô nhiễm, chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường, chất lượng môi trường, di sản thiên nhiên và các sinh vật và nhiều yếu tố khác) được thể hiện dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc những dạng tương tự của doanh nghiệp khi có hoạt động tác động lên môi trường.

Công khai thông tin môi trường là việc công bố, cung cấp, giải trình về thông tin môi trường cho công chúng một cách chủ động hoặc theo yêu cầu.

2. Sự cần thiết phải điều chỉnh công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế bằng pháp luật

Thứ nhất, doanh nghiệp và môi trường có mối quan hệ biện chứng qua lại lẫn nhau, công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp là vấn đề tất yếu của xã hội. Doanh nghiệp là một trong những yếu tố cấu thành của mọi hệ thống kinh tế. Trong nền kinh tế quốc dân, doanh nghiệp là chủ thể cơ bản của thị trường, có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Doanh nghiệp đóng góp chủ yếu cho ngân sách nhà nước, bổ sung nguồn dự trữ quốc gia và khai thác nâng cao giá trị của tài nguyên thiên nhiên. Ở Việt Nam, khi thừa nhận phát triển kinh tế nhiều thành phần, doanh nghiệp chính là hoạt động sống của các thành phần kinh tế, tạo ra tăng trưởng. Với hoạt động sản xuất, kinh doanh đa dạng, doanh nghiệp có mặt trong nhiều ngành, nghề, lĩnh vực và tác động đến môi trường. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không tách rời với môi trường. Nói cách khác, chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nếu môi trường bị ô nhiễm dẫn đến thiên tai, dịch bệnh, thì hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ bị đình trệ. Do đó, bảo vệ môi trường được xem là nhân tố quyết định trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo hướng bền vững. Vì lẽ đó, một quốc gia chỉ có thể kiểm soát được nền kinh tế

và bảo vệ môi trường một cách hiệu quả khi bắt đầu từ hệ thống doanh nghiệp. Để phát triển kinh tế, hầu hết các quốc gia trên thế giới đã lựa chọn mô hình kinh tế thị trường, nhằm sử dụng sức mạnh của quy luật cạnh tranh làm động lực phát triển. Cơ sở để quy luật cạnh tranh được vận hành là mục tiêu phát triển bền vững và quyền công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp được bảo đảm. Chỉ trong điều kiện thông tin môi trường được công khai, doanh nghiệp mới có cơ hội kinh doanh bằng chính thực lực của mình và vận hành đúng với bản chất của nó. Từ đây, những doanh nghiệp yếu kém được loại bỏ, lành mạnh hóa nền kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Vì thế, công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp vừa là nguyên tắc, vừa là giá trị phổ biến của kinh tế thị trường. Sản xuất và kinh doanh theo hướng phát triển bền vững cần gắn liền với bảo vệ môi trường. Hiện nay, các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ hai, công khai thông tin môi trường là thông lệ phổ biến trên toàn cầu trong việc thực hiện trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp. Để đảm bảo quyền được biết của công chúng và ngăn chặn các rủi ro về môi trường và thị trường, các doanh nghiệp cần phải công khai thông tin môi trường một cách kịp thời khi các hành vi môi trường của họ có thể có tác động đáng kể đến xã hội, công chúng và các nhà đầu tư. Khi thế giới thực hiện các bước hướng tới xây dựng một tương lai an toàn về khí hậu, không phá rừng, đảm bảo nguồn nước, thì hành động công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Thực tế cho thấy, trên thế giới các công ty ngày càng công khai nhiều hơn về những nỗ lực hiện tại và các cam kết trong tương lai về các vấn đề môi trường và xã hội. Có thể kể đến như tỷ lệ các công ty thuộc S&P 500 (là chỉ số chứng khoán Mỹ được dựa trên vốn hóa của 500 công ty đại chúng lớn nhất đang niêm yết trên NYSE hoặc NASDAQ) công bố báo cáo về tính bền vững hoặc trách nhiệm xã hội của

doanh nghiệp đề cập đến các vấn đề về môi trường và xã hội tiếp tục tăng, đạt 90% vào năm 2019²⁹². Tương tự, một nghiên cứu cho thấy rằng, vào năm 2020, 98% công ty 100 công ty hàng đầu theo doanh thu ở Hoa Kỳ đã báo cáo về những nỗ lực phát triển bền vững của họ²⁹³. Toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại là xu thế nổi bật của nền kinh tế thế giới hiện đại. Quá trình hội nhập sâu, rộng và hiệu quả của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới đã mang lại nhiều thành tựu to lớn cho đất nước nói chung cũng như các doanh nghiệp nói riêng. Doanh nghiệp Việt Nam có thêm cơ hội tham gia thị trường toàn cầu, hội nhập sâu hơn vào thị trường tài chính thế giới để tiếp cận nguồn vốn nước ngoài. Tuy nhiên, nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang đầu tư mạnh cho chiến lược tăng trưởng xanh. Họ đặc biệt quan tâm đến việc chống lại và loại bỏ khả năng tiếp cận thị trường của các sản phẩm nhập khẩu không tuân thủ quy trình sản xuất và không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam muốn phát triển ổn định và vững mạnh cần phải quan tâm đến trách nhiệm với môi trường và xã hội bên cạnh lợi nhuận. Muốn như vậy, thông tin môi trường của doanh nghiệp phải được công khai để quản lý và giám sát. Đây cũng là lý do để cộng đồng doanh nghiệp tại các nước trong đó có Việt Nam khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới không thể bỏ qua việc công khai thông tin về các hoạt động và biện pháp bảo vệ môi trường. Ví dụ như, Việt Nam hiện nay là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nên việc thực hiện và công bố thông tin kế toán môi trường của các doanh nghiệp Việt Nam được coi là yếu tố then chốt. Đó cũng là điều kiện cần thiết giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu. Hiện nay, tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp đã

²⁹² Governance & Accountability Institute, 2020 S&P 500 Flash Report (July 16, 2020), <https://www.ga-institute.com/research-reports/flash-reports/2020-sp-500-flash-report.html>.

²⁹³ The Time has Come: The KPMG Survey of Sustainability Reporting 2020 (December 2020), <https://assets.kpmg/content/dam/kpmg/xx/pdf/2020/11/the-time-has-come.pdf>.

nhận thức được tầm quan trọng của việc công khai, minh bạch thông tin môi trường.

Thứ ba, công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp góp phần bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững. Pháp luật về môi trường kiểm soát và điều chỉnh những hành vi tác động đến môi trường. Theo đó, doanh nghiệp sẽ phải công khai thông tin môi trường. Tuy điều này trong một chừng mực nhất định có thể hạn chế lợi nhuận của doanh nghiệp trong ngắn hạn, nhưng về mặt lâu dài, đây là phương pháp giúp duy trì tài nguyên bền vững. Chúng ta đều biết môi trường là một phần không thể tách rời trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống con người. Các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp, con người đều có liên hệ trực tiếp hay gián tiếp đến môi trường. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống trong hiện tại và tương lai. Thông tin môi trường của doanh nghiệp được công khai sẽ thu hút sự quan tâm của cộng đồng, giúp cộng đồng nhận thức được đầy đủ ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động sản xuất - kinh doanh và ngược lại. Nhờ đó, nâng cao ý thức ngăn chặn tác hại của hoạt động sản xuất - kinh doanh đến môi trường, tận dụng, khai thác thế mạnh khoa học kỹ thuật, công nghệ mới để tạo ra môi trường xanh, sạch, đảm bảo sức khỏe con người, thiên nhiên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày một tốt hơn, phù hợp với yêu cầu của sự phát triển bền vững.

Thứ tư, công khai thông tin môi trường cùng với việc đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư và khách hàng sẽ cho phép bảo vệ và cải thiện danh tiếng của doanh nghiệp, nâng cao lợi thế cạnh tranh, khám phá các rủi ro và cơ hội cũng như theo dõi và đánh giá tiến độ của chính doanh nghiệp mình. Đơn cử như, việc hạch toán và cung cấp thông tin về doanh thu và chi phí môi trường sẽ giúp doanh nghiệp hiểu rõ mối quan hệ giữa hoạt động kinh doanh và môi trường. Hơn nữa sẽ nâng cao uy tín, hình ảnh của doanh nghiệp với các đối tác trong và ngoài nước. Đồng thời công khai thông tin môi trường sẽ giúp

doanh nghiệp cải thiện hình ảnh thương hiệu, đặc biệt là đối với những công ty đã bị tổn hại danh tiếng do tai nạn hoặc thảm họa môi trường, thông qua các cam kết về tính bền vững và trách nhiệm với môi trường.

Thứ năm, công khai thông tin môi trường thể hiện sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp nói riêng và các chủ thể trong xã hội nói chung khi đặt trong mối quan hệ quyền tiếp cận thông tin của công dân. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ là một quan niệm xã hội, áp dụng cho mọi đối tượng trên thị trường, thể hiện về việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước theo quy định của pháp luật. Đặc trưng tính phổ biến của quyền con người khi nói tới tiêu chuẩn cơ bản của quyền tiếp cận thông tin là thông tin phải được công khai càng sớm, càng tốt, dưới hình thức thích hợp về ngôn ngữ, hình ảnh, tư liệu, phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu nhận và sử dụng thông tin. Về phía nhà nước, với tư cách là cơ quan mang quyền lực, quản lý toàn diện mọi mặt của đời sống xã hội, các chính sách và pháp luật của nhà nước cũng không thể đến với mỗi doanh nghiệp như một cá thể riêng lẻ mà còn nằm trong các mối quan hệ liên quan. Điều đó có nghĩa, khi công dân có quyền tiếp cận thông tin thì doanh nghiệp sẽ có nghĩa vụ công khai thông tin môi trường.

3. Nguyên tắc của pháp luật về công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế

Thứ nhất, nguyên tắc đảm bảo quyền con người được sống trong môi trường trong lành

Một môi trường trong lành rất quan trọng đối với sức khỏe cộng đồng, sức sống của hệ sinh thái và sự bền vững của xã hội. Phần lớn các quốc gia đều tán thành quan điểm này và thông qua luật môi trường hoặc đưa quyền có môi trường trong lành vào hiến pháp. Tuyên bố của Liên hợp quốc về môi trường đã đưa quyền của con người được sống trong môi trường trong lành

thành một nguyên tắc của quan hệ giữa các quốc gia. Nguyên tắc số 1 của Tuyên bố Stockholm nêu rõ:

“Con người có quyền cơ bản được sống trong một môi trường chất lượng, cho phép cuộc sống có phẩm giá và phúc lợi mà con người có trách nhiệm long trọng bảo vệ, cải thiện cho thế hệ hôm nay và mai sau”.

Tuyên bố Rio de Janeiro cũng khẳng định:

“Con người là trung tâm của các mối quan tâm về sự phát triển lâu dài. Con người có quyền được hưởng một cuộc sống hữu ích, lành mạnh và hài hoà với thiên nhiên”.

Con người muốn có sức khỏe và cuộc sống thịnh vượng thì các thành phần môi trường như không khí sạch, đất, nước... phải được quan tâm bảo vệ. Sức khỏe môi trường tập trung vào việc cung cấp một mối quan hệ lành mạnh giữa con người và môi trường. Môi trường có “khỏe”, chúng ta mới có thể có được sức khỏe thể chất và sự bình yên về tinh thần. Vì vậy, việc đảm bảo một môi trường trong lành cho con người sinh sống là một điều rất cần thiết. Trong những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, quyền sống của con người, mặc dù được đảm bảo chắc hơn về mặt pháp lý bằng các thể chế dân chủ song lại bị đe dọa bởi tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường. Trong điều kiện đó, quyền sống của con người luôn được gắn chặt với môi trường. Nguyên tắc này chi phối việc xây dựng pháp luật và chính sách của các quốc gia trong đó có Việt Nam. Chúng ta đã có trách nhiệm biến quyền được sống trong môi trường trong lành thành nguyên tắc pháp lý và thực tế nó đã là một nguyên tắc của luật môi trường Việt Nam. Hiến pháp Việt Nam năm 2013 cũng đã quy định:

“Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường” (Điều 43).

Đòi hỏi cơ bản của nguyên tắc này là mọi quy phạm pháp luật môi trường, trong đó có quy định về công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp phải lấy việc đảm bảo điều kiện sống của con người, trong đó có điều

kiện môi trường, làm ưu tiên số một. Các chính sách cũng như các quy định pháp luật về công khai môi trường của doanh nghiệp phải được ban hành với sự cân nhắc toàn diện đến các yếu tố khác nhau của môi trường để việc điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực này không bị phân tán và thiếu đồng bộ, tránh tình trạng các quy định được ban hành chỉ nhằm giải quyết một hiện tượng cụ thể trước mắt mà không tính đến ảnh hưởng dây chuyền của văn bản đó đối với các hiện tượng xã hội khác.

Thứ hai, nguyên tắc coi trọng tính phòng ngừa

Môi trường khác với các hiện tượng xã hội khác ở chỗ khả năng khôi phục hiện trạng hoặc là không thể thực hiện được hoặc rất khó khăn, tốn kém và mất nhiều thời gian. Chẳng hạn, những khu rừng nguyên sinh, những vùng rừng nhiệt đới khi bị tàn phá sẽ khó lòng phục hồi. Chính vì thế, ngăn ngừa những hành vi gây hại cho môi trường cần được chú trọng hơn so với việc áp dụng các hình phạt hoặc chế tài khác. Luật môi trường coi phòng ngừa là một nguyên tắc chủ yếu. Nguyên tắc này hướng việc ban hành và áp dụng các quy định pháp luật vào sự ngăn chặn của chủ thể thực hiện các hành vi có khả năng gây nguy hại cho môi trường.

Nguyên tắc được xác lập dựa trên: chi phí phòng ngừa bao giờ cũng rẻ hơn chi phí khắc phục, những tổn hại gây ra cho môi trường là không thể khắc phục được mà chỉ có thể phòng ngừa. Nguyên tắc yêu cầu việc lường trước những rủi ro mà con người và thiên nhiên có thể gây ra cho môi trường và đưa ra những phương án, giải pháp để giảm thiểu rủi ro, loại trừ rủi ro. Muốn làm được điều này, yêu cầu nhất thiết đặt ra là thông tin môi trường cần phải được công khai. Công khai thông tin môi trường là công cụ pháp lý gắn kết mối quan hệ giữa Nhà nước, cơ quan chức năng và cộng đồng. Thông qua các thông tin môi trường được công khai, những ý kiến đóng góp của cộng đồng sẽ có hiệu quả cao khi nó là cơ sở để doanh nghiệp đưa ra các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm. Thông qua các kiến nghị của báo cáo đánh giá tác động môi

trường, doanh nghiệp và Nhà nước sẽ có các hoạt động thận trọng hơn trong việc xây dựng, thực hiện dự án để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, nguyên tắc nghiêm ngặt và thực tế

Nguyên tắc này nhằm đảm bảo thông tin môi trường được công khai là tập hợp các thông tin thực tế (chứ không phải sao chép) về các thành phần môi trường, các dự báo và các giải pháp BVMT có cơ sở khoa học và rõ ràng, đặc trưng cho loại hình dự án, vùng dự án theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo các giải pháp về ngăn ngừa, giảm thiểu tác động xấu không chỉ đúng về pháp luật, khoa học, công nghệ mà còn có tính thực tế, không viển vông, phù hợp điều kiện địa phương và nhà đầu tư. Thông tin được công khai đều là những thông tin môi trường chất lượng, đáng tin cậy hoặc có thể kiểm chứng được. Đặc điểm này tập trung vào độ chính xác, sử dụng ước tính, khả năng định lượng và đo lường, cũng như mức độ hỗ trợ của bằng chứng.

Thứ tư, nguyên tắc thống nhất, bình đẳng giữa các doanh nghiệp

Nguyên tắc này thể hiện ở 2 khía cạnh: Thứ nhất, chủ thể công khai thông tin môi trường đều là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, không phân biệt theo vốn góp chủ sở hữu; Thứ hai, đưa các doanh nghiệp cần công khai thông tin môi trường vào từng quan hệ cụ thể. Tùy theo tính chất và mục tiêu của việc công khai mà đặt ra yêu cầu về tính cụ thể, tính chi tiết trong từng môi quan hệ. Có thể lấy hoạt động xuất, nhập khẩu làm ví dụ. Về mức độ chi tiết, cần sử dụng cả công cụ định tính và định lượng để đánh giá, đưa các doanh nghiệp về cùng trong hoạt động xuất khẩu hoặc cùng trong nhập khẩu với cùng một mặt hàng, trong cùng khoảng thời gian nhất định. Không thể đánh giá mức độ công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp khi khác quan hệ, nghĩa là không thể lấy hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp này với nhập khẩu của doanh nghiệp khác để đánh giá có công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp hay không. Cũng không

thể so sánh trong cùng hoạt động xuất khẩu giữa các doanh nghiệp nhưng lại khác thời điểm (năm đánh giá cách xa nhau). Cũng không thể đánh giá sự công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp khi khác đối tượng hàng hóa xuất, nhập khẩu. Hoạt động của các doanh nghiệp đều là nhập khẩu, trong cùng thời điểm nhưng khác mặt hàng thì tính chất kinh doanh cũng khác nhau. Tính chất mặt hàng có thể quy định những đóng góp của nó đối với yêu cầu của nền kinh tế, xã hội hoặc gây tác hại nhất định cho môi trường là khác nhau.